

GIỚI THIỆU VỀ “TÔN GIÁO VÀ SINH THÁI HỌC”

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu những quan điểm học thuật và tôn giáo về mối quan hệ giữa “tôn giáo” và “sinh thái học” hiện nay. Bài viết trình bày các khái niệm cơ bản, giới thiệu mối quan hệ thực tiễn giữa hai đối tượng của một lĩnh vực học thuật và cũng là một phong trào xã hội mới nổi lên này. Phần cuối, bài viết khái quát những đề xuất của các học giả đồng thời cũng là các nhà lãnh đạo tôn giáo/tinh thần đang có ảnh hưởng lớn trên thế giới hiện nay nhằm phát huy năng lực của tôn giáo vào trong nỗ lực bảo vệ môi trường tự nhiên.

Từ khóa: Tôn giáo, sinh thái học, môi trường tự nhiên, biến đổi khí hậu.

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh chung

Bước vào thế kỷ 21, một trong những vấn đề nhân loại rất quan tâm là biến đổi khí hậu. Mặc dù còn nhiều tranh cãi, biến đổi khí hậu được cho là đã diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Các nghiên cứu chỉ ra biến đổi khí hậu có mối liên hệ nhân-quả với sự suy thoái của môi trường tự nhiên mà con người chính là thủ phạm. Thậm chí, có những ý kiến nói rằng đã xảy ra sự khủng hoảng về môi trường sống trên phạm vi toàn thế giới. Những thảo luận về những hành động khẩn thiết để cùng bảo vệ môi trường tự nhiên vì một cuộc sống lành mạnh, và vì lợi ích của các thế hệ tương lai thu hút người tham gia từ đủ các lĩnh vực như chính trị, ngoại giao quốc tế, kinh tế, khoa học, giáo dục, v.v... Các tôn giáo cũng được kêu gọi tham gia vào nỗ lực toàn cầu này. Người ta bắt đầu tìm kiếm lại từ kinh sách và lời dạy của giáo chủ, từ thần học và những

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 6/11/2017; Ngày biên tập: 16/11/2017; Ngày duyệt đăng: 27/11/2017.

tiến triển của luận giải lại về kinh sách để thấy những giá trị về mặt nhận thức, về thế giới quan, về các nguyên tắc đạo đức, cũng như về những tấm gương trong gìn giữ và bảo vệ môi trường tự nhiên.

Trên thế giới, lĩnh vực nghiên cứu “tôn giáo và sinh thái học” (Religion and Ecology) là một lĩnh vực mới xuất hiện chỉ khoảng 2 thập niên qua. Các nhà khoa học tiên phong và có nhiều công trình nhất phải kể đến cặp vợ chồng Mary Evelyn Tucker và John A. Grim. Mary Evelyn Tucker là giáo sư của đại học Yale (Mỹ) cùng với chồng sáng lập *Diễn đàn Tôn giáo và Sinh thái học* và thực hiện nhiều hoạt động khác nhằm đưa chiều kích tôn giáo vào các nỗ lực bảo vệ môi trường sinh thái. Bên cạnh hai học giả này, còn có một số nhà nghiên cứu khác như Roger S. Gottlieb, Kusumita Pedersen, Christopher Key Chapple, Willis Jenkin hay David L. Gosling cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến chủ đề này. Song song với giới học thuật, còn có những nhà lãnh đạo tinh thần/tôn giáo khác cũng cung cấp nhiều quan điểm và cơ sở lý luận cho trách nhiệm của tôn giáo với bảo vệ môi trường tự nhiên, như: Dalai Lama, Thích Nhất Hạnh, Giáo hoàng Francis, v.v... Bài viết này sẽ chủ yếu giới thiệu và diễn giải lại quan điểm của các nhà nghiên cứu và lãnh đạo tôn giáo nói trên về mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học cũng như đề xuất của họ nhằm ứng phó với một trong những vấn đề lớn nhất mà nhân loại đã và đang phải đối mặt.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

Bài viết này chủ yếu dựa trên hai khái niệm căn bản là “tôn giáo” và “sinh thái học”. Ngoài ra, cũng cần nói thêm về các khái niệm khác như “truyền thống tôn giáo”, “đạo đức tôn giáo”, “cái Thiêng”, “môi trường tự nhiên”, “tôn giáo và sinh thái học”, “sinh thái học tôn giáo”, hay “vũ trụ luận tôn giáo”.

Tôn giáo (religion)

Một định nghĩa chung về tôn giáo, theo cách nhìn gắn với sinh thái học, đã được Mary Evelyn Tucker và John A. Grim đề xuất. Theo họ, “Tôn giáo không chỉ đơn giản là một niềm tin vào một vị thần siêu việt hoặc một phương tiện để có một cuộc sống sau cái chết. Hơn thế, tôn giáo là một định hướng đến vũ trụ và vai trò của con người trong

vũ trụ ấy”¹. Theo cách nhìn này, họ đặt các thực hành tôn giáo của con người trong bối cảnh vũ trụ luận (cosmology). Cho nên nói về tôn giáo là nói về “những câu chuyện về sự hình thành vũ trụ, các hệ biểu tượng, các thực hành nghi lễ, các quy phạm đạo đức, các quá trình lịch sử, các cấu trúc có tính thể chế vốn truyền tải một quan niệm về con người như đã được gắn vào một thể giới của ý nghĩa và trách nhiệm, của sự biến đổi và tương niệm. Tôn giáo kết nối con người với một đáng thần linh hoặc một thần tính hằng hữu, với cộng đồng người, với cộng đồng nhân loại rộng lớn hơn. Nó kết nối con người với ma trận lớn hơn của sự kỳ bí trong đó cuộc sống phát sinh, phát triển, và nở rộ”². Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng khái niệm và cách hiểu về “tôn giáo” theo hướng tiếp cận này.

Cái Thiêng (the sacred)

Đối với xã hội học cổ điển về tôn giáo từ thời của Émile Durkheim, cái Thiêng được hiểu là đối tượng có quyền năng siêu nhiên, được con người tin và thờ phụng, đồng thời đòi hỏi sự tách biệt với tất cả những gì còn lại được gọi là cái Phàm³. Cái Thiêng tồn tại trong các không gian thiêng. Đến Peter Berger, ông xem tôn giáo là một sự tạo tác của con người mà qua đó vũ trụ thiêng được thiết lập⁴. Với giới học thuật đương đại, cái Thiêng được xem xét trừu tượng hơn, trong cả các chiều kích không gian và thời gian, trong tính vật chất của tôn giáo, trong sự di động, và trong các mối quan hệ phức tạp với các thể chế của xã hội thể tục⁵. Chúng tôi sẽ chú ý về cái Thiêng như là điểm chung trong cách ứng xử của cả tôn giáo thể giới và tôn giáo đại chúng trong các phân tích sau này.

Sinh thái học (ecology)

Đây là một khái niệm đa nghĩa. Trước tiên, nó chỉ một ngành khoa học hay một lĩnh vực nghiên cứu. Theo Từ điển Bách khoa thư Britannica: Ecology, còn được gọi là “bioecology”, “bionomics”, hoặc “environmental biology” (sinh học môi trường), là ngành khoa học “nghiên cứu về các mối quan hệ giữa các dạng sống hữu cơ (organisms) và môi trường của chúng”. Từ điển này cũng giải thích thêm rằng một số các vấn đề nhức nhối của cuộc sống con người như gia tăng dân số, khan hiếm thức ăn, ô nhiễm môi trường (sự ấm lên toàn cầu, diệt chủng của một số loại động và thực vật), v.v... đều có

tính chất sinh thái học⁶. Như vậy, về căn bản, Ecology là một khái niệm của khoa học tự nhiên. Thực tế ngày nay khái niệm này đã thành một trong những vấn đề quan tâm của khoa học xã hội.

Trong khoa học xã hội, theo Willis Jenkin, *Ecology* ngoài cách hiểu như trên còn có thể hiểu là:

- Một thể giới quan có tính đạo đức về mối quan hệ phù hợp giữa con người với môi trường của mình
- Một phong trào chính trị cho biến đổi xã hội có tính thích ứng
- Một ẩn dụ về tính kết nối
- Một khung nghiên cứu theo phương diện vật chất để giải thích các hiện tượng tôn giáo⁷.

Sinh thái học tôn giáo

Theo Mary Evelyn Tucker và John Grim, “religious ecologies” (các sinh thái học tôn giáo) có thể được hiểu là “những cách thức định hướng hoặc tìm cơ sở cho những thực hành cụ thể mà nhờ đó con người dung dưỡng và biến đổi bản thân và cộng đồng trong một bối cảnh vũ trụ luận riêng biệt vốn rõ ràng đánh giá cao giá trị của tự nhiên⁸. Như vậy, nếu hiểu đơn giản thì “sinh thái học tôn giáo” là việc gắn thực hành tôn giáo với sự quan tâm đối với môi trường tự nhiên.

Cần tránh sự nhầm lẫn với thuật ngữ “religious ecology” được dùng theo nghĩa chỉ các loại hình tôn giáo có quan hệ tương liên được nhìn như một hoặc nhiều hệ sinh thái (theo cách nhìn của khoa học tự nhiên). Trong trường hợp này, nó cần được dịch đơn giản là “hệ sinh thái tôn giáo”. Đây là khái niệm vay mượn từ sinh học để phục vụ nghiên cứu tôn giáo.

Vũ trụ luận tôn giáo (Religious cosmologies)

Đây là khái niệm chỉ thể giới quan của tôn giáo, nói tới lý luận của tôn giáo về sự hình thành vũ trụ cổ xưa, đặc biệt trong đó chỉ ra trật tự vũ trụ và vị trí của con người trong vũ trụ ấy. Trong các truyền thống tôn giáo, những câu chuyện về nguồn gốc và sự nở ra của vũ trụ được gọi trao truyền lại, là cái được gọi là “các vũ trụ luận tôn giáo”.

Tôn giáo và sinh thái học (Religion and Ecology)

Cụm từ viết liền nhau này là chỉ một ngành hay một lĩnh vực nghiên cứu mới nổi lên gần đây. Theo Willis Jenkins, lĩnh vực này “nghiên cứu các chiều kích tôn giáo của các mối quan hệ sinh thái”⁹.

Môi trường tự nhiên (Natural environment)

Đó có thể hiểu đơn giản là mọi thứ nằm ngoài con người, không do con người kiến tạo nên. Môi trường tự nhiên bao gồm cả những vật chất không có sự sống, còn gọi là dạng thức vô cơ, nhưng nó cung cấp đầy đủ các điều kiện thiết yếu để các dạng thức hữu cơ trong đó có con người tồn tại và sinh sôi.

Việc trình bày một số khái niệm cơ bản trên đây cho thấy Tôn giáo và Sinh thái học vẫn là lĩnh vực đang được phát triển. Nó khởi đầu với nhiều khái niệm vay mượn từ các lĩnh vực khác, nhưng đã bắt đầu xây dựng những khái niệm và cách tiếp cận cho riêng mình.

2. Cơ sở lý luận về các mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học

2.1. Tại sao tôn giáo có vai trò trong giải quyết khủng hoảng môi trường tự nhiên?

Căn nguyên cho sự nảy sinh nhu cầu khám phá các mối liên hệ giữa tôn giáo và sinh thái học chính là một sự khủng hoảng về môi trường sống diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Sự khủng hoảng đó có thể quan sát hoặc cảm nhận qua các giác quan như biến đổi khí hậu, sự “ấm lên toàn cầu”¹⁰, sự gia tăng bệnh tật, sự tuyệt chủng của một số dạng sống từng phổ biến, v.v... Sự khủng hoảng đó nhiều khi không thể cảm nhận bằng các giác quan thông thường, mà cần có nghiên cứu khoa học và tính toán về những thay đổi tinh vi. Theo David L. Gosling, quan ngại về môi trường tự nhiên trở nên đáng kể hơn từ khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới. Về cơ bản mà ai cũng có thể quan sát được là điều kiện tự nhiên của Trái Đất tiếp tục suy giảm. Trong khi ở nhiều quốc gia công nghiệp hóa, các tiêu chuẩn sống được tăng lên không ngừng, thì ở các quốc gia đang phát triển phải đối mặt với các vấn đề về môi trường sống như phá rừng, ô nhiễm nguồn nước, sự biến mất của các nguồn lực tự nhiên như khoáng chất, nhiên liệu và đa dạng sinh thái¹¹.

Tất nhiên, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hay chính phủ, các nhà khoa học và các cá nhân tích cực đã thực hiện nhiều hình

thức vừa nhằm cảnh báo nhân loại, vừa tìm cách giảm thiểu khủng hoảng môi trường. Rất nhiều tiền của cũng đã được huy động phục vụ cho việc nâng cao nhận thức về hậu quả của suy thoái môi trường sống và các giải pháp thiết thực nhằm ứng phó với sự suy thoái đó. Nhưng như Mary Evelyn Tucker and John Grim đã đặt vấn đề, có vẻ nhân loại đã đi đến cái ngưỡng mà sự gia tăng các thống kê khoa học, thêm chính sách, thêm khung pháp lý, tăng cường quản lý, phân tích kinh tế đã không còn đủ sức tạo ra những chuyển biến xã hội trên diện rộng như mong muốn. Theo họ, đây chính là nơi các tôn giáo thế giới chắc chắn có thể đóng góp¹². Về mặt logic, khi các xã hội đã nhận ra rằng tôn giáo, đặc biệt là các truyền thống tôn giáo lớn của nhân loại, với số tín đồ rất đông đảo, là một lực lượng quan trọng thì việc tạo ra chuyển biến trong nhận thức của tín đồ về trách nhiệm bảo vệ môi trường sẽ rất có ý nghĩa vì nó tác động đến hành động thực tiễn của họ. Do đó, người ta bắt đầu tìm kiếm lại để thúc đẩy những gì tôn giáo có thể giúp cho ứng phó với khủng hoảng môi trường đồng thời hạn chế những gì mà theo quan điểm của tôn giáo lại có tác động không tích cực đến việc cố động suy nghĩ và hành động vì môi trường tự nhiên.

Đồng thời, đã có một nhận thức phổ biến rằng khủng hoảng môi trường ở mức độ như hiện nay là chưa từng xảy ra trong lịch sử nhân loại. Nói như vậy để thấy khi các truyền thống tôn giáo lớn được sinh ra, vấn đề suy thoái môi trường tự nhiên hầu như chưa đặt ra với nhân loại. Do đó, việc tìm kiếm những quan điểm hay nguyên tắc ứng xử với tự nhiên từ tôn giáo mà thuận chiều với các nỗ lực hiện nay là việc có nhiều thách thức.

Nhìn chung, khi khám phá mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học cần có sự tiếp cận khéo léo và linh hoạt về mối quan hệ giữa hai phạm trù này bởi đó không luôn luôn thuận chiều. Đồng thời, sự tác động đến hành động của con người cần phải thông qua nhận thức. Nhận thức không hẳn phụ thuộc vào những gì viết một cách trực tiếp trong kinh điển của tôn giáo mà có thể nảy sinh từ những nỗ lực thần học, những cách luận giải mới mẻ, tùy thuộc hoàn cảnh hiện tại và mục đích của luận giải. Mục đích lớn nhất, là chỉ ra những chiều kích hay những khả năng nào mà tôn giáo có thể tham gia giải quyết các vấn đề đang đặt ra với môi trường tự nhiên.

2.2. Một số chiều kích của quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học

Theo tổng hợp của chúng tôi từ các thảo luận học thuật, có ít nhất 3 chiều kích căn bản của mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học. *Thứ nhất*, trong kinh sách của các tôn giáo lớn, đều có thể tìm thấy những quan điểm nhấn mạnh mối liên hệ sâu sắc giữa con người với tự nhiên, do đó gợi ý về sự tôn trọng và cần bảo vệ tự nhiên và các dạng sống. Theo David L. Gosling trong *Religion and Ecology in India and Southeast Asia (Tôn giáo và sinh thái học ở Ấn Độ và Đông Nam Á)*, các ghi chép sớm nhất của các truyền thống tôn giáo chính trên thế giới đều đặt ra một mối quan hệ gần gũi giữa nhân loại và tự nhiên. Do đó, các tôn giáo thường sẽ dễ biến hộ về trách nhiệm với môi trường liên quan đến sự tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại bằng cách trích dẫn kinh sách¹³. Ông cũng chỉ ra rằng, theo các tôn giáo, các vùng đất thiêng chẳng hạn như cả dãy Himalaya, đều là “nhà của thần linh”¹⁴. Điều này gợi ý rằng nếu một vùng đất được coi là thiêng, do là nơi ngự trị của thần linh, thì có nghĩa là nó phải được tôn trọng, là một sự cấm kỵ, không thể xâm phạm dưới hình thức nào. Đây chính là một trong các điểm tích cực mà tôn giáo có thể đóng góp cho bảo tồn các khu vực tự nhiên khỏi bị xâm lấn và tàn phá.

Theo phân tích của Roger S. Gottlieb, sinh thái học là vấn đề đáng quan tâm đối với tôn giáo bởi 3 lý do sau: *Thứ nhất*, bất cứ quan điểm không thiên vị nào về quá khứ đều chỉ ra rằng tôn giáo chịu trách nhiệm một phần cho khủng hoảng môi trường. Nguyên do là quan điểm coi con người là trung tâm thấy trong hầu hết các tôn giáo (chúng tôi sẽ nói rõ thêm về vấn đề này ở phần sau). *Thứ hai*, quan điểm này hiện đã không còn thịnh hành nữa, các tôn giáo thế giới đã tiến vào giai đoạn sinh thái học (ecological phase) trong đó mối quan tâm đến môi trường đã được đặt ngang hàng với các mối quan tâm hiện thời khác như đạo đức về giới tính, nghi lễ, cứu giúp người nghèo, và rao giảng lời của Thiên Chúa. Đây là công việc của những lãnh đạo, nhà thần học và chức sắc tôn giáo. *Thứ ba*, để nắm rõ về khủng hoảng môi trường, cũng có nghĩa là những người có tôn giáo cũng phải trở thành những nhà hoạt động *chính trị và sinh thái*. Theo tác giả, các nhà hoạt động môi trường tôn giáo (religious environmentalist) hiện đã có rất nhiều cách thức để tạo ra sự chuyển

biến trong nhận thức chung về tầm quan trọng của môi trường cũng như các hình thức đấu tranh chống sự tàn phá và khai thác tự nhiên quá mức. Trong đánh giá chung, Gottlieb cho rằng “trong khi các tôn giáo đã trở nên có định hướng về sinh thái học, họ vừa được phục hồi về thần học lại vừa được thêm năng lượng về chính trị”¹⁵. Như vậy, ta có thể thấy liên hệ đến sinh thái học cũng là một hướng phục hồi và phát triển khá thực tế hiện nay của các tôn giáo lớn trên thế giới.

Trong cách nhìn của John A. Grim and Mary Evelyn Tucker (2014) trong cuốn *Ecology and Religion (Sinh thái học và tôn giáo)*, thì giữa những thách thức của tính hiện đại và sự gia tăng những khủng hoảng môi trường, các phương diện sinh thái học của các tôn giáo ngày càng trở nên rõ ràng hơn. Theo quan sát của hai tác giả này, các nhà khoa học và các nhà làm chính sách, cùng với những người thực hành tôn giáo phát hiện ra rằng tôn giáo đã định hình những quan điểm về tự nhiên hàng thiên niên kỷ qua. Đồng thời chính các tôn giáo cũng đã được cấu thành bởi những tương tác với cảnh quan và cuộc sống¹⁶. Đây là những tiêu điểm để xem xét lại khả năng tôn giáo có thể đóng góp gì cho vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên.

Trong lời dẫn cho cuốn *Hinduism and Ecology*¹⁷ (Ấn Độ giáo và Sinh thái học) các tác giả của nó cho rằng với nhiều người, một khủng hoảng môi trường về tính phức tạp và quy mô không chỉ là kết quả của những yếu tố kinh tế, chính trị và xã hội. Họ chỉ ra rằng đó cũng là một khủng hoảng về đạo đức và tâm linh. Việc xử lý khủng hoảng như vậy đòi hỏi những hiểu biết sâu rộng hơn về triết học và tôn giáo về chính con người như những sinh vật của tự nhiên, bị chi phối trong các chu kỳ đời người và phụ thuộc vào các hệ sinh thái. Do đó, họ lý luận rằng cần phải nhìn nhận lại tôn giáo dưới ánh sáng của khủng hoảng môi trường hiện nay bởi vì các tôn giáo giúp định hình các thái độ của con người trước tự nhiên theo cả những cách vô thức và hữu thức. Theo hai tác giả này, tôn giáo cung cấp những câu chuyện lý giải căn bản về chúng ta là ai, tự nhiên là gì, chúng ta đến từ đâu, và chúng ta sẽ đi đâu và điều này cấu thành nên một thế giới quan của một xã hội¹⁸. Họ viết: “Các tôn giáo cũng gợi ý cách chúng ta đối xử với người khác và cách chúng ta liên hệ với tự nhiên. Những giá trị này tạo nên thiên hướng đạo đức của một xã hội. Các tôn giáo do đó tạo ra

các thể giới quan và quy tắc đạo đức nằm ẩn dưới các thái độ căn bản và các giá trị cốt lõi của các nền văn hóa và các xã hội khác nhau”¹⁹. Như vậy, hướng tác động nhằm tạo ra chuyển đổi trong ý thức về môi trường tự nhiên nơi con người sinh sống và tăng trưởng chính là xác định và thúc đẩy các thiên hướng đạo đức.

Vậy câu hỏi đặt ra là nếu nhìn từ góc độ đạo đức, ta có thể nhận diện các mối liên hệ giữa tôn giáo và môi trường tự nhiên như thế nào? Kusumita Pedersen khi bàn về đạo đức môi trường trong phương diện liên tôn giáo đã chỉ ra 8 nguyên lý trong nhận thức và hành động như sau:

1. Thế giới tự nhiên có giá trị tự thân và không tồn tại chỉ để phục vụ các nhu cầu của con người.
2. Có một sự tiếp diễn rất có ý nghĩa và có tính triết học giữa con người và các sinh thể khác, thậm chí con người có một vai trò riêng biệt. Sự tiếp diễn này có thể được cảm nhận và trải nghiệm.
3. Các sinh thể không phải là con người cũng có ý nghĩa về mặt đạo đức, trong con mắt của Thượng Đế và/hoặc trong trật tự vũ trụ.
4. Sự phụ thuộc của đời sống con người vào thế giới tự nhiên có thể và nên được thừa nhận qua nghi lễ và những cách biểu đạt khác thể hiện sự ghi nhận và biết ơn.
5. Các quy phạm đạo đức như là công bằng, vị tha, và trao đổi có đi có lại áp dụng (theo những cách phù hợp) đối với cả con người và sinh thể không phải là con người. Sự thịnh vượng của con người và của các sinh thể khác có mối quan hệ không thể tách rời.
6. Có những cách thức khai thác thiên nhiên được phép và không được phép.
7. Với môi trường tự nhiên, cần nguyên rủa sự tham lam và tính phá hoại. Cần cổ vũ sự kiềm chế và nỗ lực bảo vệ.
8. Con người cần phải nhận ra và có nghĩa vụ sống hài hòa với thế giới tự nhiên và nên tuân thủ điều ấy tùy theo các quy định riêng của mỗi tôn giáo mà mình theo²⁰.

Như vậy, ta có thể thấy những điểm chung nhất về đạo đức với môi trường rút ra từ các truyền thống tôn giáo khác nhau. 8 vấn đề này cũng có thể nhìn nhận như 8 nguyên tắc đạo đức cần được khai thác

sống động, chi tiết hơn và phát huy mạnh mẽ hơn ở mỗi truyền thống tôn giáo.

Tuy nhiên, cũng từ kinh sách, có những quan điểm rằng sự gắn bó với thế giới hiện thực này là không quan trọng, do đó việc bảo vệ tự nhiên và các dạng sống khác cũng không có nhiều ý nghĩa. Đây là chiều hướng không tích cực như mong muốn. Nhưng nghiên cứu về nó là cần thiết để tìm ra cách ứng xử thích hợp hơn.

Nguyên do cho việc các truyền thống tôn giáo ít nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường tự nhiên thực ra khá dễ hiểu. Trong lịch sử hình thành của mình, không có tôn giáo nào trong quá khứ phải chứng kiến khủng hoảng môi trường như chúng ta đang đối mặt ngày nay. Điều này lý giải cho sự thiếu vắng các quan điểm mạnh mẽ vai trò của môi trường tự nhiên hay sự đòi hỏi về đạo đức đối với bảo vệ môi trường tự nhiên. Thậm chí, việc nhấn mạnh về tính siêu việt của Chúa Trời vượt lên tự nhiên và sự thống trị của con người đối với tự nhiên có thể đã dẫn đến việc hạ thấp đi giá trị của thế giới tự nhiên. Ví dụ, trong Kinh Thánh của Kitô giáo, thì thế giới tự nhiên bao gồm cả động và thực vật được tạo ra là để phục vụ sự sinh tồn của con người. Con người là giống loài có đặc quyền duy nhất trước mọi tạo vật còn lại. Mọi thứ là của Chúa, và khi con người thừa nhận sự sở hữu thần thánh đó, họ được phép khai thác và tận dụng tự nhiên vì lợi ích của chính mình. Đây là một trong những nguyên nhân căn bản cho thói quen khai thác triệt để và bất thiên nhiên phục vụ nhu cầu của con người thấy trong thế giới hiện đại.

Một vấn đề khác còn là ảnh hưởng của quan điểm về sự phủ nhận hay nói đúng hơn đánh giá là thứ yếu đối với vai trò của thế giới hiện thực thấy trong một số truyền thống tôn giáo nhất thần của Phương Tây. Khi bàn về sinh thái học, James Miller đã chỉ ra chủ thuyết coi con người là trung tâm (anthropocentrism) thấy trong các quan điểm của Kitô giáo truyền thống cũng như trong các luận điểm của phong trào Khai sáng. Tác giả đã phủ nhận tính đúng đắn của các quan điểm này, chẳng hạn như đã cho rằng: con người không có mối quan hệ sâu sắc với thực vật và động vật; sức sáng tạo của con người phụ thuộc vào sức mạnh của trí óc hoặc tâm hồn để vượt lên và chế ngự tự nhiên và không phụ thuộc vào các điểm yếu của con người

gắn trong tự nhiên; và chỉ thần thánh đã được thừa nhận và con người đang sống mới được trao cho các nghĩa vụ đạo đức hoặc gắn cho những quyền không thể tách rời²¹. Mary Evelyn Tucker và John Grim sau này cũng cho thấy đã tồn tại trong các truyền thống tôn giáo như Do Thái giáo, Kitô giáo, và cả Islam giáo chủ thuyết coi con người là trung tâm này²². Sự ảnh hưởng của chủ thuyết này rõ ràng là bất lợi cho phong trào làm thức tỉnh mối quan tâm của con người đối với môi trường tự nhiên.

Hơn nữa, với hầu hết các truyền thống tôn giáo lớn của nhân loại, mục tiêu tối thượng cho mỗi tín đồ không phải là sự gắn bó hay cư trú ở thế giới này mà là ở thế giới khác, như là nước Trời, hay Thiên Đàng, hay Niết bàn. Với Phật giáo, thế giới hiện thực này được cho là giả tưởng, không nên chấp vào nó. Tư tưởng xuất thế đã rất ảnh hưởng nơi người tu hành hàng ngàn năm qua. Thế giới tự nhiên này, cùng lắm, nó chỉ có ý nghĩa là cung cấp cho con người một cơ hội để tu hành bởi vì mục tiêu tối hậu là đạt lấy sự giác ngộ và thoát khỏi vòng luân hồi của sinh-tử, và vĩnh viễn cư trú ở Niết Bàn. Ở phương diện phủ nhận thế giới hiện thực như thế, việc trân trọng và bảo vệ môi trường tự nhiên là không nhất thiết phải đặt ra.

Chính vì thế, giải quyết được vấn đề tận dụng, chối bỏ hay phủ nhận thế giới hiện thực trên Trái Đất này là một thách thức đối với cả các tôn giáo và bất cứ tổ chức hay cá nhân nào có quan tâm đến phương diện tôn giáo của sinh thái học. Để tạo ra chuyển biến trong nhận thức về tầm quan trọng của thế giới tự nhiên này đối với không chỉ mỗi cá nhân hay cộng đồng của xã hội ngày nay mà còn cho các thế hệ mai sau.

Từ việc nhận diện các mối liên hệ giữa tôn giáo và sinh thái học thì đâu là những đề xuất có thể đưa ra nhằm mang phương diện tôn giáo vào sinh thái học. Chúng tôi sẽ đề cập nội dung này ở phần tiếp theo.

3. Khái quát những đề xuất nhằm phát huy vai trò tôn giáo trong bảo vệ môi trường tự nhiên

Như vậy, các phần trình bày ở trên đã khái quát những phát triển của học thuật về chủ đề mối quan hệ giữa sinh thái học và tôn giáo. Các mối liên hệ theo các chiều kích căn bản đã được chỉ ra. Vấn đề

đặt ra tiếp theo là vậy thì giới học thuật và cả một số lãnh đạo tôn giáo có ảnh hưởng trên thế giới đã có những đề xuất hay gợi ý gì về những giải pháp khả thi và cụ thể nhằm thúc đẩy sức mạnh và tiềm năng của tôn giáo vào công cuộc ứng phó với khủng hoảng môi trường sống hiện nay. Phần này, chúng tôi lựa chọn trình bày lại những đề xuất đã được cả hai giới nói trên chỉ ra.

3.1. Những đề xuất đáng chú ý từ giới học thuật

Có lẽ, phải bắt đầu với nhận định rất có ảnh hưởng đối với lĩnh vực “tôn giáo và sinh thái học” của nhà sử học Lynn White, nói rằng: “Cái người ta làm với hệ sinh thái của mình phụ thuộc vào cái họ nghĩ về bản thân trong liên hệ với mọi thứ xung quanh mình như thế nào. Sinh thái học con người bị quy định sâu sắc bởi các niềm tin về tự nhiên của chúng ta và về số phận, tức là tôn giáo”²³. Như vậy với cách nhìn này, một ẩn ý là mọi thứ cần xuất phát từ nhận thức và cách nghĩ trong mỗi người. Từ nhận thức về hệ sinh thái sẽ kéo theo những hành động cụ thể đối với hệ sinh thái.

Theo quan sát của mình, Mary Evelyn Tucker và John Grim từ năm 2000 đã chỉ ra rằng khủng hoảng môi trường tự nhiên về tính phức tạp và quy mô không chỉ là kết quả của những yếu tố kinh tế, chính trị, và xã hội mà còn là một khủng hoảng về đạo đức và tâm linh. Việc xử lý khủng hoảng đó đòi hỏi những hiểu biết sâu rộng hơn về triết học và tôn giáo về chính loài người như những sinh vật của tự nhiên vốn sống phụ thuộc vào các hệ sinh thái. Tôn giáo theo cách nhìn của Sinh thái học cung cấp những câu chuyện có tính lý giải căn bản về việc con người là gì, tự nhiên là gì, con người từ đâu đến, và sẽ về đâu. Qua thế giới quan hoặc vũ trụ quan của mình, các tôn giáo cũng gợi ý cách con người liên hệ với tự nhiên. Họ tiếp tục lý luận rằng những giá trị này tạo nên thiên hướng đạo đức của một xã hội. Các tôn giáo do đó tạo ra các thế giới quan và quy tắc đạo đức nằm ẩn dưới các thái độ căn bản và các giá trị cốt lõi của các nền văn hóa và các xã hội khác nhau²⁴.

Họ đi đến khẳng định rằng các tôn giáo hiện nay vẫn là những công cụ chủ đạo định hình các thái độ của nhân loại đối với tự nhiên. Họ nói: “Các hệ quả ngoài dự định của các xã hội công nghiệp chạy theo tăng trưởng kinh tế vô hạn định và phát triển nguồn lực đã dẫn chúng ta đến một ngõ cụt về sự tồn tại cho nhiều dạng thức sống và sự quản

lý phù hợp các hệ sinh thái đa dạng. Các truyền thống tôn giáo thực ra có thể phê phán bằng cách giúp tái mở lại các điều kiện sống và các chiến lược dài hạn để thúc đẩy các quan hệ hai chiều giữa con người và Trái Đất”²⁵.

Trong công trình mới xuất bản năm 2017, Mary Evelyn Tucker và John Grim lý luận rằng nếu chỉ đơn giản áp dụng các quan điểm truyền thống của tôn giáo vào các vấn đề xã hội hiện tại đối mặt thì là không khả thi hoặc không đủ. Họ cho rằng để ứng xử với vấn đề của sinh thái một cách đúng đắn thì cần có sự đối thoại giữa các nhà lãnh đạo tôn giáo/tâm linh, người làm nghiên cứu, những người tu hành tại gia với các nhà khoa học, các doanh nhân, các chuyên gia về môi trường, các nhà kinh tế học, chính trị học và nhà giáo. Do đó, về mặt phương pháp luận, hai tác giả đề xuất 3 nguyên lý tiếp cận các quan điểm có lợi của các tôn giáo nói chung đối với môi trường tự nhiên, bao gồm: sự tìm kiếm lại (retrieval); đánh giá lại (reevaluation); và cấu trúc lại (reconstruction)²⁶. Một cách cụ thể thì:

Tìm kiếm lại có nghĩa là thực hiện các nghiên cứu học thuật đối với các nguồn kinh sách và bình luận kinh sách nhằm làm rõ các phương diện tôn giáo liên quan đến mối quan hệ giữa con người và Trái Đất. Việc này đòi hỏi sự khảo sát các nghiên cứu về văn bản và lịch sử nhằm phát hiện các nguồn ý tưởng nằm ẩn sâu trong các truyền thống tôn giáo, đồng thời nhận diện các bộ quy tắc đạo đức hay mô thức nghi lễ hướng tới mối quan hệ nói trên.

Đánh giá lại có nghĩa là đánh giá lại các lời dạy từ các truyền thống tôn giáo. Cần phải chỉ ra khả năng các ý tưởng, lời dạy, và nguyên tắc đạo đức có thể định hình thái độ nhạy cảm hơn với môi trường và sự phát triển bền vững. Việc “đánh giá lại” cũng cần chất vấn những ý tưởng vốn có thể dẫn đến hành vi không phù hợp với môi trường tự nhiên.

Cấu trúc lại có nghĩa là gợi ý ra những cách thức mà các truyền thống tôn giáo có thể thích ứng lời dạy của mình với hoàn cảnh hiện tại một cách mới mẻ và sáng tạo. Hướng phương pháp luận này có thể dẫn đến những sự tổng hợp mới hoặc những thay đổi (modifications) một cách sáng tạo đối với các ý tưởng và thực hành tôn giáo truyền thống để phù hợp với các mô thức diễn tả niềm tin tôn giáo hiện đại²⁷.

Như vậy có thể thấy, 3 hướng tiếp cận nói trên có thể mang lại sức thuyết phục cho những kết quả nghiên cứu và khuyến nghị về mặt chính sách cho nhà nước cũng như thái độ đối với người dân.

Riêng trong hướng đi sâu vào việc phát hiện các giá trị chung, từ năm 1996-1998, Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo thế giới của Harvard đã tổ chức các cuộc hội thảo với chủ đề *Các tôn giáo thế giới và Sinh thái học*. Kết quả, các cuộc hội thảo này đã xác định được 7 giá trị chung trong các tôn giáo thế giới khi liên hệ đến thế giới tự nhiên:

- (1) Reverence (tôn kính)
- (2) Respect (tôn trọng)
- (3) Reciprocity (quan hệ qua lại)
- (4) Restraint (kiềm chế)
- (5) Redistribution (tái phân bổ)
- (6) Responsibility (trách nhiệm)
- (7) Restoration (phục hồi)²⁸.

Các giá trị trên thực ra là các giá trị đạo đức, thể hiện các nguyên tắc khi con người ứng xử với tự nhiên. Tất nhiên có sự khác biệt bên trong mỗi tôn giáo và giữa các tôn giáo về các giá trị này. Điều cần khuyến khích là làm sao để các tôn giáo chuyển sang quan tâm nhiều hơn đến các thiên hướng của vũ trụ luận và nghĩa vụ đạo đức và khai thác lại các giá trị nay hướng tới những quan ngại về môi trường. Việc cần cổ súy, theo John Grim và Mary Evelyn Tucker là tôn giáo “kêu gọi sự tôn kính với Trái Đất và các quá trình sinh thái quan trọng của nó, tôn trọng các giống loài trên trái đất, và một sự mở rộng về đạo đức dành cho mọi dạng thức sống, sự trao đổi qua lại trong quan hệ giữa con người và tự nhiên, sự kiềm chế trong sử dụng các nguồn lực tự nhiên kết hợp với việc ủng hộ cho các công nghệ thay thế có tính hiệu quả hơn, một sự tái phân bổ các cơ hội kinh tế công bằng hơn, nhận thức về trách nhiệm của con người với sự tiếp diễn của sự sống, và sự phục hồi cả con người và các hệ sinh thái cho sự phát triển nở rộ của đời sống”²⁹.

Một hướng khác là đặt ra những vấn đề làm định hướng cho nghiên cứu và tìm tòi. Trong đề dẫn cho số đặc biệt của tạp chí *Daedalus*, Mary

Evelyn Tucker và John Grim nêu 4 câu hỏi sau với các nhà nghiên cứu từ mỗi truyền thống tôn giáo cụ thể được mời tham gia đóng góp:

1) Các phương diện vũ trụ luận nào trong truyền thống tôn giáo này giúp liên hệ con người đến tự nhiên?

2) Làm thế nào truyền thống này và những văn bản thiêng của nó hỗ trợ hoặc thách thức ý tưởng coi tự nhiên chỉ đơn giản như một tài nguyên vì mục đích vụ lợi?

3) Đâu là những giá trị cốt lõi từ truyền thống này có thể dẫn tới sự sáng tạo ra một đạo đức môi trường hữu hiệu?

4) Từ truyền thống tôn giáo này, liệu chúng ta có thể xác định thực hành con người có trách nhiệm hướng tới các hệ thống tự nhiên, các cộng đồng bền vững, và các thế hệ tương lai hay không?³⁰.

Việc nhìn sâu vào trong mỗi truyền thống tôn giáo, người ta đều có thể đưa ra những câu trả lời. Một cách logic thì việc tìm ra mẫu số chung giữa các câu trả lời ấy chính là hình thành một chủ trương hay các nguyên tắc chung cho ứng xử của tôn giáo ngày nay với môi trường sinh thái.

Roger S. Gottlieb cho rằng tôn giáo có nhiều thứ để giúp cho nhân loại ứng phó với khủng hoảng môi trường hiện nay. Ông bắt đầu với lập luận rằng hàng thế kỷ qua các tôn giáo đã cung cấp những nguồn lực rất mạnh mẽ để giúp nhân loại nhận thức và ứng xử với các dạng thức đáng lo ngại của đau khổ và bất công, giờ đây điều tương tự cũng có thể làm đối với khủng hoảng môi trường. Đề xuất trước tiên của ông là tôn giáo có năng lực rất lớn trong huy động mọi người thực hiện hành động chính trị. Theo ông, nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể bắt đầu bằng thuyết giảng một giáo thuyết “xanh” trong đó lên án cách con người đối xử với tự nhiên đã gây hậu quả cho cả thực thể con người và các dạng sống khác thì họ có thể gây ảnh hưởng lớn hơn các vị giáo sư trong trường đại học. Ông cũng cho rằng để khỏi chết ngộp trong rác thải của chính mình, con người nên xem xét thực sự nghiêm túc các mối quan hệ với tự nhiên và sự nghiêm túc đó vẫn được chủ yếu mang lại từ tôn giáo. Tiếp đến, ông gợi ý rằng mặc dù thường nhấn mạnh tư tưởng xuất thế (escape from real life) tôn giáo có thể đóng góp bằng cách giúp ứng phó với thói quen tẻ nhạt hoặc từ chối

những đe dọa ngày càng hiện hữu của vấn đề môi trường. Tôn giáo có thể giúp tín đồ tập trung quán chiếu vào những vấn đề sẽ xảy ra trong dài hạn để nhìn nhận lại những gì nhân loại đang làm với bản thân mình, với hành tinh, và với tương lai của họ. Đây chính là bước đầu tiên để dẫn tới thay đổi có tính tập thể³¹.

Bên cạnh những đề xuất như đã nêu trên, như là kết quả của việc tìm kiếm các giải pháp khác nhau, giới học thuật đã cố gắng cho hai phong trào nữa bằng cách tạo ra các nội dung giảng dạy, các hội thảo và thảo luận chủ yếu diễn ra trong không gian các trường đại học. Có thể nói rằng các trường đại học lớn ở Mỹ đã đi đầu trong lĩnh vực này trên thế giới, chẳng hạn như Yale, St. Francis College. Một phong trào được gọi là “tôn giáo và sinh thái học” (Religion and Ecology) và phong trào kia là “chủ thuyết môi trường từ phương diện tôn giáo” (Religious Environmentalism). Điểm chung của các phong trào học thuật này nghiên cứu và chỉ ra các ngôn ngữ, nghi lễ, biểu trưng và đạo đức tôn giáo vốn gián tiếp và trực tiếp nói về sự duy trì bền vững cả các hệ sinh thái và con người. Đồng thời, người ta khuyến khích việc xác định lại các khái niệm về nơi chốn hay không gian thiêng, thường là các vùng đất, dãy núi, con sông, cánh rừng, v.v... cụ thể. Việc xác định và xác nhận về tính thiêng có ý nghĩa sâu xa trong việc đề cao sự cấm kỵ, hay thiêng hóa nhằm tránh cho các thành tố của môi trường tự nhiên ấy bị xâm phạm hay phá hủy. Các phong trào này nhận được sự hưởng ứng của các truyền thống tôn giáo, và hiện nay trên thế giới đã có nhiều nhóm tôn giáo đi theo các chủ thuyết này. Các phong trào này, chủ yếu khởi xướng bởi chính các giáo sư làm việc tại các đại học cũng dẫn đến sự hình thành các diễn đàn học thuật, tạp chí học thuật, các chuyên ngành giảng dạy trực tiếp về “tôn giáo và sinh thái học”.

Tóm lại, như chúng tôi đã trình bày, thử thách lớn với giới học thuật là tìm các khả năng thúc đẩy các quan hệ hai chiều giữa con người và môi trường tự nhiên. Điều đó phải được nhìn như mối quan hệ tương hỗ, tùy thuộc vào nhau, nhờ có nhau mà tồn tại và phát triển bền vững. Từ phía giới học thuật, tìm ra các giải pháp khả thi cho thử thách này từ phương diện tôn giáo chính là đóng góp thực tiễn và có ý nghĩa nhất.

3.2. Những đề xuất từ một số lãnh đạo tôn giáo có nhiều ảnh hưởng

Nhiều lãnh đạo tôn giáo/tinh thần trên thế giới đã được biết đến nhiều hơn qua sự thể hiện quan điểm của họ trước các vấn đề nhân loại đang đối mặt, trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường sống. Ở đây, chúng tôi chỉ lựa chọn giới thiệu một cách ngắn gọn nhất một số quan điểm trong đó bao gồm đề xuất về giải pháp cho vấn đề khủng hoảng môi trường bởi một số nhà lãnh đạo tôn giáo có ảnh hưởng nhất hiện nay trên thế giới.

3.2.1. Phật giáo

Thích Nhất Hạnh - người sáng lập và lãnh đạo *Tiếp hiện* như một dòng Phật giáo hiện đại rất thành công ở Phương Tây. Đặc trưng của dòng Tiếp hiện, thể hiện qua các hoạt động ở trung tâm của nó là các Làng Mai, thay vì quay lưng với hiện thực cuộc sống và các vấn đề của tha nhân, là sự dấn thân, là quan điểm rằng vấn đề nào cá nhân gặp phải cũng là vấn đề của xã hội và ngược lại giải quyết vấn đề xã hội cũng xuất phát từ vấn đề cá nhân. Liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, Thích Nhất Hạnh có rất cách tiếp cận và phân tích rất tinh tế khác nhau nhưng thông điệp gốc vẫn nằm ở sự tương liên rất mật thiết giữa môi trường tự nhiên và sự tồn tại lành mạnh của nhân loại.

Trong chương 4 của cuốn *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh*, Thích Nhất Hạnh đã chỉ ra rất nhiều phương diện của Phật giáo có thể góp phần khắc phục các vấn đề của khủng hoảng môi trường sinh thái và bảo vệ môi trường ấy. Tiêu biểu nhất, nhà sư này viết: “Nếu chúng ta hiểu rằng con người và thiên nhiên không thể tách rời nhau thì ta sẽ biết cách đối xử với thiên nhiên như đối xử với chính bản thân mình, với tất cả sự cẩn trọng nhẹ nhàng, với tất cả tình thương yêu, không có sự bạo động. Cho nên nếu chúng ta không muốn mình bị thương tổn thì không nên làm thương tổn thiên nhiên, vì làm thương tổn thiên nhiên là làm thương tổn chính mình và ngược lại”³².

Đôi khi, thông điệp của Thích Nhất Hạnh ngấm ẩn đi một chút, ví dụ, ông nói rằng một tờ giấy đến từ cây, cây không thể tồn tại mà không có mưa từ mây, hơi ẩm của ánh nắng Mặt Trời và nguồn

khoảng chất từ lòng đất. Nếu dùng cách nhìn chính niệm, người thực hành có thể sẽ thấy ngay mây, Mặt Trời và đất khi nhìn vào một tờ giấy. Khi đó, họ có thể phát hiện những ẩn ý về sinh thái học và về kinh tế: nếu đất đai bị ô nhiễm và ánh nắng Mặt Trời do ô nhiễm tầng khí quyển mà không xuống được đến cây, thì sẽ không có cây và giấy. Như vậy, ông đã chỉ ra cho người đọc rằng với cách nhìn “chính niệm”, người ta sẽ dễ nhận thức ra điều gì nhân loại cần hành động nếu muốn tiếp tục tồn tại một cách lâu bền và lành mạnh.

Ở một ví dụ khác, khi trả lời câu hỏi tại sao phải tu hành, nhà sư nói rằng không tu hành để thoát khỏi thực tại của giáo hội, của xã hội và của đất nước. Tu hành để đối với mặt với hiện thực, với sự dũng cảm. Hiện thực cần được xem như những vấn đề lớn nảy sinh trong giáo hội hay xã hội. Đối mặt với hiện thực là để tìm ra giải pháp cho gia đình và xã hội và đó là cách một tín đồ Phật giáo có thể đóng góp cho công cuộc lành mạnh hóa xã hội và mang lại hạnh phúc và hòa bình cho xã hội. Trở thành một người ăn chay không chỉ là để tu hành, mà cũng là cách để thể hiện trách nhiệm của một người đối với môi trường. Ông nói: “Khi ăn thịt, chúng ta chia sẻ trách nhiệm đối với biến đổi khí hậu, sự tàn phá rừng, và làm độc nguồn không khí và nước. Hành động đơn giản từ việc trở thành người ăn chay sẽ tạo ra sự thay đổi đối với sự khỏe mạnh của hành tinh chúng ta”³³.

Như có thể thấy, với sự ảnh hưởng rộng lớn của mình, ông ngày càng có thêm những tín đồ và người ủng hộ. Họ sẽ là một lực lượng đáng kể mang tinh thần dần thân vào bảo vệ và tái thiết môi trường sống.

Phong trào Buddhadasa Bhikkhu

Theo nghiên cứu của Santikaro Bhikkhu, phong trào này lấy tên một nhà sư Thái Lan, nổi tiếng vì áp dụng Phật pháp và các hiện thực của thế giới hiện đại, trong đó nhấn mạnh vai trò và sự kết nối đối với tự nhiên. Ông nhấn mạnh rằng dưới quan điểm của Pháp, mọi thứ đều là tự nhiên. Cụ thể hơn, “pháp có nghĩa là Tự nhiên, cái có thể phân biệt trong 4 khía cạnh: Tự thân Tự nhiên; luật của Tự nhiên; nghĩa vụ của mọi dạng thức sống tuân thủ Luật của tự nhiên và kết quả kéo theo từ thực hiện nghĩa vụ nói trên”³⁴. Nhà lãnh đạo này còn nhấn mạnh rằng tự nhiên và con người là không thể tách rời, con người không có vị trí siêu việt hơn tự nhiên. Quan điểm này thể hiện rõ thái độ của một người

theo phong trào này trước những xu thế thường làm tổn hại nặng nề tự nhiên bao gồm sự sùng bái vật chất (materialism) và sùng bái tiêu dùng (consumerism) thấy trong các xã hội hiện đại. Sức ảnh hưởng của ông đã hình thành một phong trào các nhà sư bảo vệ môi trường tự nhiên, đặc biệt là cây xanh, hiện vẫn rất mạnh mẽ ở Thái Lan.

Đức Dalai Lama (Đà Lai Lạt Ma)

Vị Lạt ma thứ 14 của Tây Tạng đã nổi tiếng toàn cầu về những quan điểm của mình. Khi bàn về chủ đề môi trường tự nhiên, ông đã chỉ ra rằng môi trường tự nhiên chính là ngôi nhà của nhân loại. Nhưng nhiều năm qua, việc thu hẹp môi trường sống đã diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Bà mẹ Trái Đất luôn bao dung, nhưng điều đó không có nghĩa là vô giới hạn, và chúng ta đã bắt đầu chứng kiến những cảnh báo từ môi trường tự nhiên. Ông chỉ ra rằng nhân loại là giống loài duy nhất có khả năng phá hoại môi trường tự nhiên. Nhưng ngay ở đây, ông cũng khẳng định chính con người cũng sẽ có khả năng bảo vệ nó. Vì thế, cần đề cao nhận thức về trách nhiệm, sự hình thành đạo đức với môi trường sống. Sự chuyển đổi trong mỗi cá nhân sẽ dần tạo ra sự chuyển đổi trong nhận thức và hành động của xã hội³⁵.

3.2.2. Hindu giáo

Có nhiều lãnh đạo hay tín đồ Hindu giáo có ảnh hưởng khi phát biểu các quan điểm về sinh thái học. Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu sơ lược các quan điểm chính của Mahatma Gandhi - người lãnh đạo phong trào giành độc lập cho Ấn Độ từ thực dân Anh - trong nghiên cứu của Larry D. Shinn. Theo tác giả, logic của Gandhi về sinh thái học bắt nguồn từ việc tán đồng và ủng hộ quan điểm truyền thống của Hindu giáo rằng có một mối liên hệ tương hợp và tùy thuộc nhau giữa con người và tự nhiên. Nói ngắn gọn nhất, tư tưởng về sinh thái học của ông bao gồm sự cô sức cho một lối sống giản dị (ông từng nói rằng trái đất cung cấp đủ thứ để thỏa mãn nhu cầu của mỗi người, nhưng không thể thỏa mãn lòng tham lam của con người được); ủng hộ giải trung ương hóa và đề cao các nền kinh tế địa phương (các cộng đồng địa phương cần nâng cao năng lực tự quản, tự sản xuất, tự cấp tự túc và hạn chế các trang trại hay nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn vốn dùng nhiều hóa chất và thuốc trừ sâu); một tư tưởng sinh thái học phi bạo lực và đầy lòng trắc ẩn (tư tưởng sinh thái học của Gandhi là

một mô thức vừa kinh tế vừa chính trị của việc sống qua đó thể hiện những hành động thực tiễn vì môi trường, dựa trên các giá trị tối thượng và việc mưu cầu chân lý)³⁶.

3.2.3. Công giáo

Giáo hoàng Francis hiện nay cũng là người thường lên tiếng qua các thông điệp của mình đối với tín đồ Công giáo về vấn đề biến đổi khí hậu và môi trường sống bị đe dọa. Ông là người đưa ra một Thông tri (encyclical) và người tín hữu có thể ký cam kết ủng hộ thông tri đó ở trên mạng. Một khi đã tham gia, người ký tên sẽ thường xuyên nhận các thông tin về những hành động chung nhằm tạo ra sự thay đổi (trong đó có các bài giảng của Giáo hoàng về sinh thái học), hứa tự cắt giảm việc tạo ra khí các-bon, và kết nối với các phong trào về khí hậu do người Công giáo dẫn dắt³⁷.

Giáo hoàng đã chính thức kêu gọi hành động khẩn cấp để cùng ứng phó với biến đổi khí hậu và ông thậm chí đề xuất rằng việc quan tâm về môi trường cần phải được thêm vào truyền thống công việc của người Kitô hữu bên cạnh việc cung cấp thức ăn cho người nghèo đói và thăm hỏi người đau ốm. Trong thông điệp đánh dấu *Ngày thế giới của Giáo hội Công giáo cho sự Quan tâm đến Sáng thế năm 2015*, Giáo hoàng Francis đã nói rằng tác động tồi tệ nhất của việc ám lên toàn cầu lại được cảm nhận bởi những người ít chịu trách nhiệm về nó nhất, đó là những người tị nạn và người nghèo. Ông thậm chí mô tả sự tàn phá môi trường của con người như một tội ác và kết tội con người vì biến hành tinh thành một “vùng đất hoang ô nhiễm đầy rác và sự hoang tàn”. Biến đổi khí hậu, theo Giáo hoàng, cũng góp phần vào khủng hoảng người tị nạn. Những người nghèo trên thế giới, vốn ít chịu trách nhiệm nhất cho biến đổi khí hậu, là những người bị tổn thương nhiều nhất và thực sự đã đang chịu đựng tác động của biến đổi khí hậu rồi³⁸.

Tóm lại, chúng tôi chỉ mới giới thiệu sơ lược quan điểm của một số lãnh đạo tôn giáo rất có ảnh hưởng hiện nay về thực trạng của khủng hoảng môi trường sinh thái và khả năng của như kỳ vọng đối với tín đồ mỗi tôn giáo cũng như người không có tôn giáo trong nỗ lực giảm thiểu khủng hoảng ấy. Với những tôn giáo thế giới như Kitô giáo, Hindu giáo hay Phật giáo với số lượng tín đồ rất đông đảo, những tác

động đến nhận thức và hành động của tín đồ hi vọng sẽ dần tạo ra những chuyển biến.

Kết luận

Về mặt logic, toàn bộ vấn đề có thể được hiểu sơ lược như sau:

- 1) Thế giới hiện tại của chúng ta đang đối mặt với khủng hoảng môi trường tự nhiên chưa từng có trong lịch sử nhân loại;
- 2) Rất nhiều nỗ lực đã được thực thi bởi các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, bởi các cộng đồng và cá nhân, nhưng rõ ràng là chưa đủ, môi trường sống chung vẫn tiếp tục bị đe dọa nặng nề;
- 3) Tôn giáo cho thấy có khả năng mạnh mẽ và tích cực trong đóng góp cho việc tạo chuyển biến trong nhận thức và do đó là hành động tập thể vì môi trường tự nhiên;
- 4) Nhận thức chủ yếu là có thể khai thác lại với cách nhìn mới từ thế giới quan, nhân sinh quan, các nguyên tắc đạo đức, cũng như ý thức về trách nhiệm với môi trường tự nhiên;
- 5) Điều cần phải nhấn mạnh là nhận thức về mối quan hệ cơ hữu giữa con người và môi trường tự nhiên.

Từ 20 năm qua, “Tôn giáo và Sinh thái học” đang là lĩnh vực nghiên cứu ngày càng phát triển. Đóng góp của ngành này có thể thấy rõ trong việc tạo ra và khuyến khích các tôn giáo xem xét vai trò, sứ mệnh, và khả năng của mình trong đóng góp cho giải quyết vấn đề khủng hoảng môi trường sống. Việc xem xét ấy có thể là tìm kiếm, khai thác, và luận giải lại kinh điển những quan điểm, những lời dạy, những nguyên tắc đạo đức có lợi cho bảo vệ môi trường tự nhiên. Các tôn giáo khuyến khích các trào lưu trong lòng mình vốn tích cực bảo vệ và khôi phục môi trường tự nhiên, đề cao mối quan hệ hữu cơ giữa con người và Trái Đất. Đồng thời, ngành nghiên cứu môi trường hay sinh thái học có thêm tôn giáo như một kênh để có thể tác động đến nhận thức và định hình thái độ ứng xử của cá nhân và cộng đồng đối với môi trường sống chung. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Mary Evelyn Tucker and John A. Grim (2001), Introduction: The Emerging Alliance of World Religions and Ecology, *Dedalus*, Fall, 130 (4), p. 14.

- 2 Mary Evelyn Tucker and John A. Grim (2001), *Ibid.*, p. 14.
- 3 Xem: Malcom B Hamilton (1995), *The Sociology of Religion: Theoretical and comparative perspectives*, Routledge, London and New York, pp. 97-103.
- 4 Xem: Peter L. Berger, *The Sacred Canopy: Elements of A Sociological Theory of Religion*, Garden City: Doubleday.
- 5 Xem: Richard H. Jackson and Roger Henrie (1983), Perception of Sacred Space, *Journal of Cultural Geography*, Vol. 3, No. 2.
- 6 Tham khảo định nghĩa và lịch sử hình thành khái niệm này tại Encyclopedia Britannica: <https://www.britannica.com/science/ecology>
- 7 Willis Jenkins (2017), Whose religion? Which ecology, In: *Routledge Handbook of Religion and Ecology*, eds. Willis Jenkin, Mary Evelyn Tucker and John Grim. London and New York: Routledge, p. 28.
- 8 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2017), The movement of religion and ecology, In: *Routledge Handbook of Religion and Ecology*, eds. Willis Jenkin, Mary Evelyn Tucker and John Grim. London and New York: Routledge, p. 6.
- 9 Willis Jenkins (2017), Whose religion? Which ecology. *Ibid.*, p. 22.
- 10 Riêng vấn đề "âm lên toàn cầu" thì vẫn còn đang gây tranh luận bởi các bằng chứng mà giới khoa học đưa ra vẫn chưa thực sự thuyết phục.
- 11 David L. Gosling (2001), *Religion and Ecology in India and Southeast Asia*. London and New York: Routledge, p. 1.
- 12 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2017), The movement of religion and ecology. *Ibid.*, p.6.
- 13 David L. Gosling (2001), *Ibid.*, p. 162.
- 14 David L. Gosling (2001), *Ibid.*, p. 167.
- 15 Roger S. Gottlieb (2006), Introduction. In: *Handbook of Religion and Ecology*, edited by Roger S. Gottlieb. Oxford: Oxford University Press, pp. 6-8.
- 16 John A. Grim and Mary Evelyn Tucker (2014), *Ecology and Religion: Foundations of Contemporary Environmental Studies Series*, Island Press, p. 2.
- 17 John A. Grim and Mary Evelyn Tucker (2000), Introduction, *Hinduism and Ecology*, eds. Christopher Key Chapple and Mary Evelyn Tucker, Havard University Press.
- 18 John Grim and Mary Evelyn Tucker (2000), *Ibid.*, p. xiv.
- 19 John Grim and Mary Evelyn Tucker (2000), *Ibid.*, p. xvi.
- 20 Kusumita Pedersen (1998), Environmental Ethics in interreligious perspective. In: *Explorations in Global ethnics: comparative religious ethics and interreligious dialogue*, eds. Summer Twiss and Bruce Grelle. Boulder CO: Westview, p. 281.
- 21 James Miller (2006), Daoism and Nature, In: *Handbook of Religion and Ecology*, edited by Roger Gottlieb, Oxford: Oxford University Press, p. 220.
- 22 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2017), *Ibid.*, pp. 4-5.
- 23 Trích lại từ Mary Evelyn Tucker and John Grim (2000), Series foreword, In: *Hinduism and Ecology*, Christopher Key Chapple and Mary Evelyn Tucker (eds), Havard University Press, p.xvi.
- 24 Xem Mary Evelyn Tucker and John Grim (2000), *Ibid.*, pp. xvi-xvii.
- 25 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2000), *Ibid.*, p. xviii.
- 26 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2017), The movement of religion and ecology, *Ibid.*, p. 7.

- 27 Mary Evelyn Tucker and John Grim (2017), The movement of religion and ecology, *Ibid.*, pp. 7-8.
- 28 Trích lại từ John Grim and Mary Evelyn Tucker (2014), *Ecology and Religion*, Washington: Island press, p. 8.
- 29 John Grim and Mary Evelyn Tucker (2014), *Ibid.*, p. 8.
- 30 Mary Evelyn Tucker and John A. Grim (2001), *Daedalus*, *Ibid.*, p. 4.
- 31 Roger S. Gottlieb (2006), Introduction, *Ibid.*, pp. 13-14.
- 32 Thích Nhất Hạnh (2012), *Hướng đi của đạo Phật cho hòa bình và môi sinh*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
- 33 Thích Nhất Hạnh (2008), *The World We Have: A Buddhist Approach to Peace and Ecology*. Parallax Press, USA.
- 34 Santikaro Bhikkhu (1996), Buhhadasa Bhikkhu: Life and Society through the Natural Eyes of Voidness. In *Engaged Buddhism: Buddhist liberation movements in Asia*, eds. Christopher S Queen and Sallie B. King, New York: State University of New York Press, p. 159.
- 35 Xem: Dalai Lama (1999), *Ancient Wisdom, Modern World: Ethics for the New Millennium*, United Kingdom: Little, Brown and Company, pp. 213-220.
- 36 Larry D Shinn (2000), The inner logic if Gandhian ecology, In: *Hinduism and Ecology*, *Ibid.*, pp. 214-236.
- 37 Truy cập tại: <http://www.catholicclimatecovenant.org/encyclical>, ngày 30 tháng 10 năm 2017.
- 38 The Guardian. 2016. Pope Francis says destroying the environment is a sin. Truy cập tại: <https://www.theguardian.com/world/2016/sep/01/pope-francis-calls-on-christians-to-embrace-green-agenda> , ngày 30 tháng 10 năm 2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mary Evelyn Tucker and John A. Grim. 2001. Introduction: The Emerging Alliance of World Religions and Ecology. *Dedalus*, Fall, 130 (4).
2. Tham khảo định nghĩa và lịch sử hình thành khái niệm này tại Encyclopedia Britannica: <https://www.britannica.com/science/ecology>
3. Willis Jenkins. 2017. Whose religion? Which ecology. In: *Routledge Handbook of Religion and Ecology*, (eds) Willis Jenkin, Mary Evelyn Tucker and John Grim. London and New York: Routledge.
4. David L. Gosling. 2001. *Religion and Ecology in India and Southeast Asia*. London and New York: Routledge.
5. Mary Evelyn Tucker and John Grim. 2017. The movement of religion and ecology. In: *Routledge Handbook of Religion and Ecology*, (eds) Willis Jenkin, Mary Evelyn Tucker and John Grim. London and New York: Routledge.
6. John A. Grim and Mary Evelyn Tucker. 2014. *Ecology and Religion: Foundations of Contemporary Environmental Studies Series*. Island Press.
7. John A. Grim and Mary Evelyn Tucker. 2000. Introduction. *Hinduism and Ecology*, (eds) Christopher Key Chapple and Mary Evelyn Tucker. Havard University Press.
8. Kusumita Pedersen. 1998. Environmental Ethics in interreligious perspective. In: *Explorations in Global ethnics: comparative religious ethics and interreligious dialogue*, (eds) Summer Twiss and Bruce Grelle. Boulder CO: Westview.

9. Trích lại từ Mary Evelyn Tucker and John Grim. 2000. Series foreword. In: *Hinduism and Ecology*, (eds) Christopher Key Chapple and Mary Evelyn Tucker. Harvard University Press.
10. Mary Evelyn Tucker and John A. Grim. *Daedalus*, Fall, 130 (4).
11. Thích Nhất Hạnh (2012). *Hướng đi của đạo Phật cho hòa bình và môi sinh*. Nxb. Phương Đông.
12. Thích Nhất Hạnh. 2008. *The World We Have: A Buddhist Approach to Peace and Ecology*. Parallax Press, USA.
13. Santikaro Bhikkhu. 1996. Buhhadasa Bhikkhu: Life and Society through the Natural Eyes of Voidness. In *Engaged Buddhism: Buddhist liberation movements in Asia*, eds. Christopher S Queen and Sallie B. King. New York: State University of New York Press.
14. José Ignacio Cabezón. 1996. Buddhist Principles in the Tibetan Liberation Movement. In *Engaged Buddhism: Buddhist liberation movements in Asia* eds. Christopher S Queen and Sallie B. King. New York: State University of New York Press.
15. Dalai Lama. 1999. *Ancient Wisdom, Modern World: Ethics for the New Millennium*. United Kingdom: Little, Brown and Company.
16. Larry D Shinn. 2000. The inner logic of Gandhian ecology. In: *Hinduism and Ecology*, (eds) Christopher Key Chapple and Mary Evelyn Tucker, Harvard University Press.

Abstract

INTRODUCTION TO “RELIGION AND ECOLOGY”

The paper presents the current academic and religious views on the relationship between “religion” and “ecology”. It also indicates the basic concepts, a new social movement, and the practical relationship between two objects of an academic field. Finally, it generalizes about proposal of scholars as well as religious/spiritual leaders who have a great influence on the world today for promoting the capacity of religion in protecting the natural environment.

Keywords: Religion, ecology, natural environment, climate change.